

Tiết 36: SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

- Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

- HS cả lớp làm được bài 1,2

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.

- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: chuyển các STP sau thành hỗn số: 3,12 4,3 54,07 17,544 1,2 - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 5 bạn thi nối tiếp nhau, đội nào đúng và nhanh hơn thì giành chiến thắng - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> - Biết khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi. * <i>Cách tiến hành:</i>	
Ví dụ - GV nêu bài toán : Em hãy điền số thích hợp vào chỗ trống : $9\text{dm} = \dots\text{cm}$ $9\text{dm} = \dots\text{m}$ $90\text{cm} = \dots\text{m}$ - GV nhận xét kết quả điền số của HS sau đó nêu tiếp yêu cầu : Từ kết quả của bài toán trên, em hãy so sánh 0,9m và 0,90m. Giải thích kết quả so sánh của em? - GV nhận xét ý kiến của HS và kết luận	- HS điền và nêu kết quả : $9\text{dm} = 90\text{cm}$ $9\text{dm} = 0,9\text{m}$; $90\text{cm} = 0,90\text{m}$

Ta có : $9\text{dm} = 90\text{cm}$ Mà $9\text{dm} = 0,9\text{m}$ và $90\text{cm} = 0,90\text{m}$ Nên $0,9\text{m} = 0,90\text{m}$ - Biết $0,9\text{m} = 0,90\text{m}$ - Em hãy so sánh $0,9$ và $0,90$. * Nhận xét 1 - Em hãy tìm cách để viết $0,9$ thành $0,90$. * Nhận xét 2 - Em hãy tìm cách để viết $0,90$ thành $0,9$. - Trong ví dụ trên ta đã biết $0,90 = 0,9$. Vậy khi bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số $0,90$ ta được một số như thế nào so với số này ? - GV yêu cầu HS mở SGK và đọc lại các nhận xét.	- HS trao đổi ý kiến, sau đó một số em trình bày trước lớp, HS cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS : $0,9 = 0,90$. - HS quan sát các chữ số của hai số thập phân và nêu : Khi viết thêm 1 chữ số vào bên phải phần thập phân của số $0,90$ thì ta được số $0,90$. - Nếu bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số $0,90$ thì ta được số $0,9$. - Khi bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số $0,90$ ta được số $0,9$ là số bằng với số $0,90$. - 1 HS đọc.
3. Hoạt động luyện tập, thực hành:(15 phút) * Mục tiêu: HS cả lớp làm được bài 1,2. (HS (M3,4) làm thêm bài tập 3) * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề toán. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, kết luận Bài 2: HĐ cá nhân - GV gọi HS giải thích yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, chữa bài Bài 3:(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS tự làm bài rồi báo cáo kết quả - GV có thể giúp đỡ HS còn khó khăn	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS cả lớp làm bài vào vở, báo cáo kết quả. $7,800 = 7,8$; $64,9000 = 64,9$; $3,0400 = 3,04$ $200,300 = 200,3$; $35,0200 = 35,02$; $100,000 = 100$ - 1 HS (M3,4) nêu. - HS cả lớp làm bài vào vở , chia sẻ kết quả a. $5,612$; $17,200$; $480,590$ b. $24,500$; $80,010$; $14,678$. - HS làm bài, báo cáo kết quả - Các bạn Lan và Mỹ viết đúng - Bạn Hùng viết sai
4. Hoạt động vận dụng , trải nghiệm:(2 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết thành số có 3 chữ số ở phần TP $7,5 = \dots$ $2,1 = \dots$ $4,36 = \dots$ $60,3 = \dots$ $1,04 = \dots$ $72 = \dots$	- HS nghe và thực hiện

Tập đọc
Tiết 15: KÌ ĐIỀU RỪNG XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Cảm nhận được vẻ đẹp kì thú của rừng; tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ của tác giả đối với vẻ đẹp của rừng. (Trả lời được các câu hỏi 1, 2 ,4).
- Đọc diễn cảm bài văn với cảm xúc ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của rừng.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, thêm yêu quý và có ý thức. BVMT.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện", mỗi em đọc nối tiếp 1 câu thơ trong bài “Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà”, bạn nào đọc sai thì thua cuộc. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	-HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (10 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ phiên âm tiếng nước ngoài và các số liệu thống kê trong bài. <i>* Cách tiến hành:</i>	
- Cho HS đọc toàn bài - Cho HS đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm - Luyện đọc theo cặp - Gọi HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu toàn bài	- HS đọc, chia đoạn + Đ₁: Loang quanh trong rừng...lúp xúp dưới chân. + Đ₂: Nắng trưa đã ...thế giới thần bí. + Đ₃: Còn lại. - Nhóm trưởng điều khiển các bạn đọc nối tiếp đoạn trong nhóm + HS đọc nối tiếp lần 1 + luyện đọc từ khó, câu khó + HS đọc nối tiếp lần 2 + giải nghĩa từ - 2 HS đọc cho nhau nghe - 1 HS đọc
2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> Cảm nhận được vẻ đẹp kì thú của rừng; tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ	

của tác giả đối với vẻ đẹp của rừng. (Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4). (HS(M3,4) trả lời được tất cả các câu hỏi) * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Cho HS thảo luận nhóm đọc bài và TLCH - Tác giả đã miêu tả những sự vật nào của rừng? - Những cây nấm rừng khiến tác giả liên tưởng thú vị gì? - Nhờ những liên tưởng ấy mà cảnh vật đẹp thêm như thế nào? - Những muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? - Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho cảnh rừng ? - Hãy nói cảm nghĩ của em khi đọc đoạn văn? - Bài văn cho ta thấy gì?	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm sau đó báo cáo kết quả: + Những sự vật được tác giả miêu tả là: nấm rừng, cây rừng, nắng rừng, các con thú, màu sắc của rừng, ... + Tác giả liên tưởng đây như là một thành phố nấm, mỗi chiếc nấm như một lâu đài kiến trúc tân kì, tác giả có cảm giác như mình là một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của + Nhờ những liên tưởng ấy làm cho cảnh vật trong rừng trở lên lãng mạn, thần bí như trong truyện cổ tích. + Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi + Sự xuất hiện thoắt ẩn thoắt hiện của muông thú làm cho cảnh rừng trở lên sống động, đầy những điều bất ngờ kì thú. + Đoạn văn làm em háo hức muốn có dịp được vào rừng , tận mắt ngắm cảnh đẹp của thiên nhiên. + Bài văn cho ta thấy tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ của tác giả đối với vẻ đẹp kì thú của rừng.
3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm:(8 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Đọc diễn cảm bài văn với cảm xúc ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của rừng * <i>Cách tiến hành:</i>	
- 1 HS đọc toàn bài - GV ghi đoạn cần luyện đọc diễn cảm. - GV hướng dẫn cách đọc. - GV đọc mẫu. - Gọi HS đọc. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm. - Tổ chức thi đọc diễn cảm. - GV cùng cả lớp nhận xét	- 1 HS đọc toàn bài. - HS theo dõi. - HS nghe - HS nghe - HS cá nhân. - HS đọc trong nhóm. - 3 HS thi đọc. - HS nhận xét
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Rừng xanh mang lại lợi ích gì cho con người ? Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ rừng?	- Rừng xanh đem lại nhiều lợi ích cho con người : điều hòa khí hậu, ngăn lũ lụt, cung cấp nhiều loại lâm sản quý...

Chính tả

Tiết 8: NGHE - VIẾT: KÌ DIỆU RỪNG XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi.
- Tìm được các tiếng chứa *yê/ ya* trong đoạn văn (BT2); tìm được tiếng có vần uyên thích hợp để điền vào ô trống. (BT3).
- Có ý thức tốt khi viết chính tả.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Khởi động hát bài "Nhạc rừng" - Viết những tiếng chứa <i>ia/ iê</i> trong các thành ngữ tục ngữ dưới đây và nêu quy tắc đánh dấu thanh trong những tiếng ấy: - <i>Sớm thăm tối viếng</i> - <i>Trọng nghĩa khinh tài</i> - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài, ghi bảng	- Cả lớp hát - 2 HS lên bảng làm bài. - Lớp theo dõi, nhận xét - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả:(7 phút)	
<i>*Mục tiêu:</i> - HS nắm được nội dung đoạn viết và biết cách viết các từ khó. - HS có tâm thế tốt để viết bài. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>*Tìm hiểu nội dung đoạn văn</i> - HS đọc đoạn văn + Sự có mặt của muông thú mang lại vẻ đẹp gì cho cánh rừng ? <i>*Hướng dẫn viết từ khó</i> - Yêu cầu HS tìm các từ khó viết - Yêu cầu đọc và viết các từ khó	- 1 HS đọc + Sự có mặt của muông thú làm cho cánh rừng trở lên sống động, đầy bất ngờ. - HS tìm và nêu - HS viết: <i>ấm lạnh, rào rào, chuyển động, con vượn, gọn ghẽ, chuyển, ...</i>
2.2. HD viết bài chính tả. (15 phút)	
<i>*Mục tiêu:</i> Nghe - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng hình thức văn xuôi.	

*Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu lần 1. - GV đọc lần 2 (đọc chậm) - GV đọc lần 3.	- HS theo dõi. - HS viết theo lời đọc của GV. - HS soát lỗi chính tả.
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài (3 phút) *Mục tiêu: Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành:	
- GV chấm 7-10 bài. - Nhận xét bài viết của HS.	- Thu bài chấm - HS nghe
3. HĐ luyện tập, thực hành: (8 phút) * Mục tiêu: - Tìm được các tiếng chứa <i>yê/ ya</i> trong đoạn văn (BT2) - Tìm được tiếng có vần uyên thích hợp để điền vào ô trống(BT3). - HS (M3,4) làm được BT4 * Cách tiến hành:	
Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài tập - HS đọc các tiếng vừa tìm được - Em nhận xét gì về cách đánh các dấu thanh ở các tiếng trên? Bài 3: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét kết luận lời giải đúng. Bài 4:(M3,4) HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS quan sát tranh để gọi tên từng loài chim trong tranh. Nếu HS nói chưa rõ GV có thể giới thiệu - GV nhận xét chữa bài	- HS đọc yêu cầu - Cả lớp làm vào vở, báo cáo kết quả - Khuya, truyền thuyết, xuyên, yên - Các tiếng chứa yê có âm cuối thì dấu thanh được đánh vào chữ cái thứ 2 ở âm chính - HS đọc - Quan sát hình minh hoạ, điền tiếng thích hợp, chia sẻ kết quả a) Chỉ có <u>thuyền</u> mới hiểu Biển mênh mông nhường nào Chỉ có biển mới biết <u>Thuyền</u> đi đâu về đâu. b. Lích cha lịch chích vành <u>khuyên</u> Mỏ từng hạt nắng đọng nguyên sắc vàng. - HS nghe - HS đọc yêu cầu - HS quan sát tranh - HS nêu theo hiểu biết của mình. - HS nghe
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS viết các tiếng: <i>khuyết, truyền, chuyện, quyển</i> - Nêu quy tắc ghi dấu thanh cho các tiếng chứa yê .	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Đạo đức

Tiết 8: SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. HS lựa chọn và đưa ra được cách xử lí phù hợp khi gặp tình huống trong thực tế; Chia sẻ về những biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. Giải thích được vì sao cần phải sử dụng tiền hợp lí.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

3. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Bài hát “Con heo đất”.
- Video nhạc bài “Hãy chi tiêu một cách khôn ngoan nhé bạn tôi!”
- Phiếu bài tập (HĐ 3)
- Mẫu kế hoạch chi tiêu cá nhân (HĐ 5, 6)
- Mô hình giá tiền của các đồ dùng hằng ngày (vd: Gạo, rau, thịt, cá, ...)

2. Học sinh:

- Thẻ chữ cái đúng- sai.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiết 2

Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- HS nghe và hát theo đĩa nhạc bài hát “Con heo đất”. - GV giới thiệu bài.	- HS hát
2. Khám phá:(28phút)	
Hoạt động 1: Xử lí tình huống * <i>Mục tiêu:</i> HS lựa chọn và đưa ra được cách xử lí phù hợp khi gặp tình huống trong thực tế. * <i>Cách tiến hành:</i> - GV chia nhóm, cho HS bốc thăm các tình huống. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, lựa chọn cách xử lí trong các tình huống đã cho. + Tình huống 1: Tuy mới học lớp 5 nhưng Nam đã đòi cha mẹ mua sắm cho nhiều đồ đắt tiền như máy nghe nhạc MP3, máy ảnh kỹ thuật số và cả điện thoại di động để mong mình trở thành sành điệu trước mắt bạn bè. Từ khi có những đồ dùng đó, Nam chỉ ham	- HS thảo luận nhóm 5 tìm cách giải quyết tình huống

mê nghe nhạc, nhắn tin ... mà sao chẳng học tập. Em nhận xét như thế nào về biểu hiện của Nam? Nếu em là bạn của Nam em sẽ khuyên bạn điều gì? + Tình huống 2: Hôm nay mẹ đi vắng, mẹ cho Lan 100.000 đồng để mua thức ăn chuẩn bị cho cả ngày. Nếu là Lan em sẽ chi tiêu như thế nào? - GV kết luận Hoạt động 2. Chia sẻ về cách sử dụng tiền hợp lý. * <i>Mục tiêu:</i> - Chia sẻ về những biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lý. - Giải thích được vì sao cần phải sử dụng tiền hợp lý. * <i>Cách tiến hành:</i> - GV yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi theo yêu cầu sau: + Em đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình vào những việc gì? + Vì sao em lại sử dụng tiền vào những việc đó? - Gọi HS chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét và kết luận: Trong cuộc sống hằng ngày có nhiều việc chúng ta phải sử dụng đến tiền như: ăn uống, sinh hoạt, học hành, ... Vì vậy chúng ta phải biết tiêu tiền một cách hợp lý hay nói cách khác là phải biết tiêu tiền một cách khôn ngoan. Ở lớp 4 các em đã được học bài “Tiết kiệm tiền của”, bài học hôm nay chúng ta sẽ tập trung tìm hiểu về cách tiêu tiền hợp lý.	- HS bày tỏ ý kiến. - HS nhận xét. . <i>HS thảo luận cặp đôi</i> <i>Trình bày ý kiến</i> - HS nhận xét.
4.Vận dụng:(3 phút)	
- Nhắc HS trong cuộc sống phải biết chi tiêu hợp lý tiết kiệm - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện yêu cầu.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học

CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ## 1. Năng lực đặc thù

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** - Bảng phụ, phấn màu, vở Luyện tập Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2: Bài tập tăng cường: Bài tập 1, 2 (46, 47- Luyện tập Tiếng Việt) 1. Đọc hiểu: Mùa nước nổi *Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm. - Nhận xét tuyên dương. - Phần tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.b, 2.d, 3b,.trả lời : gọi tả âm thanh: róc rách, phành phạch.....	- HS thực hiện theo yêu cầu - Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV

2. Bài 1,2,3 (48) - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS trình bày. - Hỏi: Cách đặt dấu thanh đúng - GV nhận xét KL 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút) - Hỏi học sinh: + Hãy nêu cảm nghĩ của em khi đọc bài này? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài làm - HS trả lời
--	---

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ ba ngày 24 tháng 10 năm 2023

Toán

Tiết 37: SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết so sánh hai số thập phân.
- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.
- HS cả lớp làm được bài 1, 2.

2. Năng lực chung:

- Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS chơi trò chơi:"Truyền điện". Một bạn đọc một số TP bất kì sau đó truyền cho bạn bên cạnh, bạn đó phải đọc ngay một số TP bằng với số thập phân vừa rồi, cứ tiếp tục như vậy từ bạn này đến bạn khác, bạn nào không nêu được thì thua cuộc. - GV nhận xét, tuyên dương HS - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết so sánh hai số thập phân . - Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn cách so sánh 2STP có phần nguyên khác nhau</i> Ví dụ 1: So sánh 8,1m và 7,9m - Gọi HS trình bày cách so sánh? - GV nhận xét cách so sánh của HS - Hướng dẫn HS so sánh như SGK: 8,1 = 81dm; 7,9m = 79dm Ta có 81dm > 79dm tức là 8,1 > 7,9 - Biết 8,1m > 7,9m, so sánh 8,1 và 7,9?	- HS thảo luận nhóm, nêu cách so sánh 8,1m = 81dm ; 7,9m = 79dm Vì 81dm > 79dm $\Rightarrow$ 8,1m > 7,9m - 8,1 > 7,9

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

- Hãy so sánh phần nguyên của 8,1 và 7,9 - Dựa vào VD1: Hãy nêu cách so sánh - GV nêu lại kết luận (SGK) - Yêu cầu HS nhắc lại. <i>*Hướng dẫn so sánh 2 STP có phần nguyên bằng nhau</i> - Ví dụ 2: So sánh 35,7m và 3,698m - Nếu sử dụng kết luận trên có thể so sánh được 2 STP này không? Vì sao? - Vậy để so sánh được ta là như thế nào? - GV nhận xét ý kiến của HS yêu cầu HS so sánh phần thập phân của 2 số đó. - Gọi HS trình bày cách so sánh. - GV giới thiệu cách so sánh như SGK: + Phần thập phân của 35,7m là $\frac{7}{10}$ m = 7dm = 700mm + Phần thập phân của 35,698m là $\frac{698}{1000}$ m = 698mm - Mà 700mm > 698mm - nên $\frac{7}{10}$ m > $\frac{698}{1000}$ m - Do đó 35,7m > 35,698m - Từ kết quả trên hãy so sánh: 35,7 ... 35,698 - Hãy so sánh hàng phần mười của 35,7 và 35,698 - Em hãy nêu cách so sánh ở trường hợp này? - GV tóm tắt, kết luận. <i>*Ghi nhớ:</i> - Yêu cầu HS đọc.	- Phần nguyên $8 > 7$ - Khi so sánh 2 STP ta có thể so sánh phần nguyên với nhau. Số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại. - HS nghe - 2-3 HS nêu - Không vì phần nguyên của 2 số đó bằng nhau - HS thảo luận nêu: + Đổi ra đơn vị khác để so sánh. + So sánh 2 phần thập phân với nhau. - 1 số HS nêu lớp theo dõi và nhận xét 35,7 > 35,698 - Hàng phần mười $7 > 6$ - 1 HS đọc kết luận SGK - Học sinh đọc. - Học sinh đọc phần ghi nhớ SGK
3. Hoạt động luyện tập, thực hành:(17 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - HS cả lớp làm được bài 1, 2. - HS (M3,4) làm thêm bài tập 3.	

*Cách tiến hành:	
Bài 1: HD cá nhân - Cho HS đọc yêu cầu - Nêu yêu cầu của bài toán - Yêu cầu HS tự làm - GV nhận xét chữa bài, yêu cầu HS nêu cách so sánh Bài 2: HD cá nhân - Nêu yêu cầu của bài toán - Để xếp được ta cần làm gì ? - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu cách làm. Bài 3:(M3,4) - Cho HS tự làm bài vào vở - Hướng dẫn HS còn gặp khó khăn	- 1 HS đọc đề, lớp đọc thầm. - So sánh 2 STP - HS làm vở , báo cáo kết quả a) $48,97 < 51,02$ vì phần nguyên $48 < 51$ b) $96,4 > 96,39$ vì hàng phần mười $4 > 3$ c) $0,7 > 0,65$ vì hàng phần mười $7 > 6$ - Xếp thứ tự từ bé đến lớn - Cần so sánh các số này - HS làm vở, chia sẻ kết quả + So sánh phần nguyên $6 < 7 < 8 < 9$ + Có 2 số có phần nguyên bằng nhau so sánh phần mười $3 < 7$ + xếp $6,375 < 6,735 < 7,19 < 9,01$ - HS làm bài: 0,4; 0,321; 0,32; 0,197; 0,187.
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- GV cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm $69,99 \dots 70,01$ $0,4 \dots 0,36$ $95,7 \dots 95,68$ $81,01 \dots 81,010$	- HS nghe và thực hiện $69,99 < 70,01$ $0,4 > 0,36$ $95,7 > 95,68$ $81,01 = 81,010$

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Luyện từ và câu

Tiết 15: MỞ RỘNG VỐN TỪ: THIÊN NHIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Hiểu nghĩa từ thiên nhiên (BT1); nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng thiên nhiên trong một số thành ngữ, tục ngữ (BT2).

- Tìm được từ ngữ tả không gian, tả sông nước và đặt câu với một từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3,BT4.

- HS HTT hiểu ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ ở BT2; có vốn từ phong phú và biết đặt câu với từ tìm được ở ý d của BT3.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.

- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho 2 đội HS chơi trò chơi "Nói nhanh, nói đúng" nêu các từ nhiều nghĩa. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- 2 đội chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành: (30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Hiểu nghĩa từ thiên nhiên (BT1); nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng thiên nhiên trong một số thành ngữ, tục ngữ (BT2). - Tìm được từ ngữ tả không gian, tả sông nước và đặt câu với một từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3,BT4. - HS (M3,4) hiểu ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ ở BT2; có vốn từ phong phú và biết đặt câu với từ tìm được ở ý d của BT3. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét và KL bài đúng Bài 2: HĐ nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm - Gọi HS lên làm	- HS đọc yêu cầu - HS tự làm bài, chia sẻ + Chọn ý b: <i>tất cả những gì không do con người tạo ra.</i> - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận nhóm do nhóm trưởng điều khiển, sau đó báo cáo kết quả

- GV nhận xét kết luận bài đúng - Yêu cầu HS đọc thuộc lòng những câu thành ngữ, tục ngữ. Bài 3: HD nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - HS đọc câu mẫu - HS thảo luận nhóm 4 - GV nhận xét kết luận và ghi nhanh các từ HS bổ sung lên bảng Bài 4: Trò chơi - Yêu cầu HS nêu nội dung bài - HS thi tìm từ - GV nhận xét chữa bài.	+ <i>Lên thác xuống ghềnh</i> + <i>Góp gió thành bão</i> + <i>Qua sông phải lụy đò</i> + <i>Khoai đất lạ, mạ đất quen</i> - HS đọc câu thành ngữ, tục ngữ - HS đọc - HS thảo luận nhóm, báo cáo trước lớp - Lớp nhận xét bổ xung + Tả chiều rộng: bao la, mênh mông, bát ngát, thênh thang, vô tận, bất tận, khôn cùng + Tả chiều dài: xa tít tắp, tít mù khơi, thăm thẳm, ngút ngát, lê thê, dài ngoẵng, + Tả chiều cao: chót vót, vời vọi, chát ngát, cao vút.. + Tả chiều sâu: hun hút, thăm thẳm, - HS đọc - HS thi + Tả tiếng sóng: ì ầm, ầm ầm, ầm ào, rì rào, ì oạp, oàm oạp, lao xao, thì thào + Tả làn sóng nhẹ: lăn tăn, dềnh, trườn lên, bò lên, .. + Tả đợt sóng mạnh: cuồn cuộn, trào dâng, ào ạt, cuộn trào, điên cuồng, dữ dội, khủng khiếp..
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Tìm các từ tượng thanh chỉ tiếng nước chảy ?	- HS nêu: <i>róc rách, tí tách, ào ào,...</i>

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Khoa học
Tiết 16 + 17: PHÒNG TRÁNH HIV / AIDS
THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết nguyên nhân và cách phòng tránh HIV/ AIDS.
- **GDKNS:** Tìm kiếm, xử lý thông tin về bệnh HIV/AIDS và cách phòng chống bệnh HIV/AIDS, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm để tổ chức, hoàn thành công việc liên quan đến triển lãm. KN xác định giá trị giá trị bản thân, tự tin ứng xử giao tiếp phù hợp với người bị nhiễm HIV; cảm thông chia sẻ tránh phân biệt, kì thị với người nhiễm HIV.
- Xác định được các hành vi tiếp xúc thông thường không lây nhiễm HIV.
- Không phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV và gia đình của họ.
- Luôn vận động, tuyên truyền mọi người không xa lánh, phân biệt đối xử với những người bị nhiễm HIV và gia đình của họ.

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi: + Bệnh viêm gan A lây qua đường nào? + Chúng ta làm thế nào để phòng bệnh viêm gan A? + Bệnh nhân mắc viêm gan A cần làm gì? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - Do vi-rút viêm gan A, bệnh lây qua đường tiêu hóa. Một số dấu hiệu của bệnh viêm gan A: sốt nhẹ, đau ở vùng bụng bên phải, chán ăn. - Cần “ăn chín, uống sôi”, rửa sạch tay trước khi ăn và sau khi đi đại tiện. - Thực hiện theo lời khuyên của bác sĩ, ăn uống, sinh hoạt, tập thể dục thường xuyên... - HS ghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) *Mục tiêu: - Biết nguyên nhân và cách phòng tránh HIV/ AIDS. - Luôn có ý thức tuyên truyền vận động mọi người cùng phòng tránh nhiễm HIV *Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: Chia sẻ kiến thức - Kiểm tra sự sưu tầm tranh ảnh, tài liệu. - Các em biết gì về bệnh nguy hiểm	- Tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị của các thành viên - 5-7 học sinh trình bày

này? - GV nhận xét, bổ sung	- HS nghe
*Hoạt động 2: HIV/ AIDS là gì? Các con đường lây truyền HIV / AIDS - Tổ chức chơi "Ai nhanh, ai đúng" - Chia nhóm, mỗi nhóm 4 em - Tổ chức cho HS thực hành hỏi đáp. - HIV/AIDS là gì? - Vì sao người ta thường gọi HIV/AIDS là căn bệnh thế kỷ? - Những ai có thể bị lây nhiễm HIV/AIDS? - HIV lây truyền qua những con đường nào? - Hãy lấy ví dụ minh họa? - Làm thế nào để phát hiện người bị HIV? - Muỗi đốt có lây nhiễm HIV không? - Có thể làm gì để phòng tránh HIV? - Dùng chung bàn chải đánh răng có bị lây nhiễm HIV không? - Ở lứa tuổi mình phải làm gì để bảo vệ mình? *Hoạt động 3: Cách phòng tránh HIV/AIDS - Yêu cầu HS quan sát và đọc các thông tin + Em biết những biện pháp nào để phòng tránh HIV/AIDS? - GV nhận xét, khen ngợi - Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm - Tổ chức thi tuyên truyền phòng chống HIV / AIDS. - GV nhận xét tổng kết cuộc thi	- HS hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận, làm bài - Lớp nghe và thảo luận. - Là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải do vi rút gây nên. - Vì nó rất nguy hiểm, khả năng lây lan nhanh. Hiện nay chưa có thuốc đặc trị. Nếu ở giai đoạn AIDS thì chỉ còn đợi chết. - Tất cả mọi người đều có thể bị lây nhiễm. - Qua đường máu, đường tình dục, từ mẹ sang con - Ví dụ: Tiêm trích ma túy, dùng chung bơm kim tiêm truyền máu... - Để phát hiện cần phải đi thử máu xét nghiệm. - Không lây nhiễm HIV - Để phòng tránh phải thực hiện tốt qui định về truyền máu, sống lành mạnh. - Có thể bị lây nhiễm. - Sống lành mạnh, không tham gia tệ nạn xã hội như ma túy, bị ốm làm theo chỉ dẫn của bác sĩ . - 4 HS tiếp nối nhau đọc thông tin. - Thực hiện nếp sống lành mạnh, chung thủy. - Không nghiện hút, tiêm chích ma túy. - Dùng bơm kim tiêm tiệt trùng, 1 lần dùng. - Khi truyền máu phải xét nghiệm máu. - Phụ nữ mắc bệnh HVI/AIDS không nên sinh con. - Học sinh hoạt động nhóm. - Các nhóm lên tham gia thi. - HS nghe

* Hoạt động 4: HIV/AIDS không lây qua một số tiếp xúc thông thường - Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp + Những hoạt động nào không có khả năng lây nhiễm HIV/AIDS? Kết luận: Những hoạt động tiếp xúc thông thường không có khả năng lây nhiễm. - Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi. HIV không lây qua đường tiếp xúc thông thường * Hoạt động 5: Không nên xa lánh, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV - Tổ chức cho HS làm việc theo cặp. - Yêu cầu HS quan sát hình 2,3 trang 36,37 - Gọi HS trình bày ý kiến của mình - Nhận xét, khen HS có cách ứng xử tốt. + Qua ý kiến của bạn em rút ra điều gì? - GV: Ở nước ta đã có 68 000 người bị nhiễm HIV em hiểu được và cần làm gì ở những người xung quanh họ?	- HS trao đổi theo cặp và trình bày + Bơi ở bể bơi công cộng + Ôm, hôn má + Bắt tay. + Muối ớt + Ngồi học cùng bàn + Uống nước chung cốc - Học sinh hoạt động nhóm - Các nhóm diễn kịch các nhóm khác theo đối bổ xung - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận - HS quan sát tranh và trình bày - 3-5 HS trình bày ý kiến của mình
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút)	
- Gia đình em đã làm những gì để phòng tránh HIV/AIDS?	- HS nêu
- Về nhà viết bài tuyên truyền mọi người phòng tránh HIV/AIDS.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Lịch sử
Bài 8: XÔ VIỆT NGHỆ – TỈNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết một số biểu hiện về xây dựng cuộc sống mới ở thôn xã:
 - + Trong những năm 1930- 1931, ở nhiều vùng nông thôn ở Nghệ - Tĩnh nhân dân giành được quyền làm chủ, xây dựng cuộc sống mới,
 - + Ruộng đất của địa chủ bị tịch thu để chia cho nông dân; các thứ thuế vô lí bị xoá bỏ.
 - + Các phong tục lạc hậu bị xoá bỏ.
- Kể lại được cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 tại Nghệ An
- Khâm phục, biết ơn những người đã dũng cảm đấu tranh phá bỏ áp bức bóc lột

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động. Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước. HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS hát bài "Em là mầm non của Đảng", trả lời câu hỏi: + Hãy nêu những nét chính về hội nghị thành lập ĐCSVN? + Nêu ý nghĩa của việc ĐCSVN ra đời. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - 2 HS trả lời. - Lớp theo dõi, nhận xét. - HS nghe
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> - Biết một số biểu hiện về xây dựng cuộc sống mới ở thôn xã - Kể lại được cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 tại Nghệ An <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>*Hoạt động 1: Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 và tinh thần cách mạng của nhân dân Nghệ - Tĩnh trong những năm 1930 - 1931</i> - Giáo viên treo bản đồ hành chính Việt Nam, yêu cầu học sinh tìm và chỉ vị trí hai tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh. - Nghệ - Tĩnh là hai tên gọi tắt của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Tại đây, ngày 12-9-	- 1 em lên bảng chỉ. - Học sinh lắng nghe.

1930 đã diễn ra cuộc biểu tình lớn, đi đầu cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta. - Yêu cầu: Dựa vào tranh và nội dung SGK hãy thuật lại cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Nghệ An? - Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 đã cho thấy tinh thần đấu tranh của nhân dân Nghệ An - Hà Tĩnh như thế nào? - KL: Đảng ra vừa ra đời đã đưa phong trào cách mạng bùng lên ở một số địa phương. Trong đó có phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao. *Hoạt động 2: <i>Những chuyển biến đổi mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng</i> - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi và yêu cầu sau: + Khi sống dưới ách đô hộ của thực dân Pháp người nông dân có ruộng cày đất không? Họ phải cày ruộng cho ai? + Hãy đọc SGK và ghi lại những điểm mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng những năm 1930 -1931. + Khi được sống dưới chính quyền Xô Viết, người dân có cảm nghĩ gì? - GV nhận xét, kết luận: *Hoạt động 3: <i>Ý nghĩa của phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh</i> - Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh nói lên điều gì về tinh thần chiến đấu và khả năng làm cách mạng của nhân dân ta? - Phong trào có tác động gì đối với phong trào của cả nước?	- HS thuật lại trong nhóm, 1 em trình bày trước lớp - Quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp và bè lũ tay sai. - HS thảo luận, thực hiện theo yêu cầu - Không có ruộng, họ phải cày thuê, cuốc mướn. - Không xảy ra trộm cắp. - Các thủ tục lạc hậu bị đả phá, thuế vô lý bị xóa bỏ v.v... - Phấn khởi. - HS thảo luận, trình bày: - Cho thấy tinh thần dũng cảm của nhân dân ta. Sự thành công bước đầu cho thấy nhân dân ta hoàn toàn có thể làm cách mạng thành công. - Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã khích lệ, cổ vũ động viên tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút)	
- Sưu tầm những bài thơ nói về phong trào Xô Viết - nghệ Tĩnh.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Hướng dẫn học

CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ VIẾT ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG STP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Cùng cố viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân, so sánh số thập phân.
- Rèn kĩ năng so sánh số thập phân, đổi đơn vị đo độ dài.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** - Bảng phụ, phấn màu, vở Luyện tập Toán..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn.	- HS thực hiện theo yêu cầu
2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2,5,6 trang 42– Luyện tập Toán) * <u>Bài 1:</u> - Gọi HS đọc đề bài - YC HS tự làm bài - Gọi HS trình bày. - Gọi hs nhận xét bài làm - Nêu cách so sánh số thập phân. * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - GV : Muốn xếp theo thứ tự con phải làm gì? - Yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm. * <u>Bài 3:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét - Nêu cách làm.	- HS đọc đề bài - HS làm theo YC - Vài HS trình bày - HS nhận xét - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - Hs trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 vài hs nêu.
* <u>Bài 4:</u>	

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

- Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Thế nào là tính bằng cách thuận tiện? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút) - Hỏi học sinh: + Hãy nêu cách so sánh phân số. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét
---	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2023

Toán

Tiết 3: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết so sánh hai số thập phân.
- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn.
- HS Làm bài 1, 2, 3, 4a

2. **Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. **Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS chơi trò chơi "Phản xạ nhanh": Một HS nêu một số thập phân bất kì sau đó chỉ định 1 HS khác nêu một STP lớn hơn số thập phân vừa nêu. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động ôn tập kiến thức: (5 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Nêu được cách so sánh hai số thập phân <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Giáo viên cho học sinh nhắc lại cách so sánh 2 số thập phân. - Giáo viên lấy ví dụ yêu cầu học sinh áp dụng quy tắc đã học rồi so sánh.	- Học sinh nhắc lại. $83,7 < 84,6$ $16,3 < 16,4$
3. HĐ luyện tập, thực hành: (25 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết so sánh hai số thập phân. - Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn. - Làm bài 1, 2, 3, 4a <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài - Giáo viên gọi học sinh đọc kết quả. - Giáo viên nhận xét chữa bài.	- HS đọc - Học sinh tự giải rồi báo cáo kết quả $84,2 > 84,19$ $6,843 < 6,85$ $47,5 = 47,500$ $90,6 > 89,6$

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Bài 2: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Hướng dẫn học sinh làm bài. - Chấm 1 số bài. - Nhận xét chữa bài. Bài 3: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài - Nhận xét chữa bài. Bài 4a: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi học sinh chữa bài. - Nhận xét chữa bài. Bài 4b(M3,4): HD cá nhân - Cho HS tự làm vào vở	- HS đọc - Học sinh giải vào vở. $4,23 < 4,32 < 5,3 < 5,7 < 6,02$ - HS theo dõi - Nêu yêu cầu bài toán. - Học sinh tự làm bài vào vở, chia sẻ kết quả: $9,708 < 9,718$ - Học sinh nêu yêu cầu bài toán. - Học sinh tự làm bài a) $x = 1$ vì $0,9 < 1 < 1,2$ - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên b) $x = 65$ vì $64,97 < 65 < 65,14$
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS làm bài tập sau: Điền chữ số thích hợp vào ô trống: a) $23,651 > 23,6 \square 5$ b) $1,235 = 1,235 \square$ c) $21,832 < 21, \square 00$	- HS nghe và thực hiện a) $23,651 > 23,6 \square 5$ b) $1,235 = 1,235 \square$ c) $21,832 < 21, \square 00$

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kể chuyện

Tiết 8: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

- Biết trao đổi về trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên.

- HS HTT kể được câu chuyện ngoài SGK, nêu được trách nhiệm giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

*GDBVMT: Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống, giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.

- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5')	
- Cho HS chơi trò chơi "Kể đúng, kể nhanh" tên một số loài cây dùng để chữa bệnh. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi - HS nghe - HS nghe
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (8') * <i>Mục tiêu:</i> Lựa chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV ghi đề bài lên bảng: <i>Đề bài:</i> Kể một câu chuyện em <u>đã nghe</u> <u>thấy</u> hay <u>đã đọc</u> nói về <u>quan hệ giữa con người với thiên nhiên</u> . - Gọi HS đọc đề - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh. - Cho HS tiếp nối nhau đọc gợi ý SGK - Giáo viên nhắc học sinh: những truyện đã nêu trong gợi ý là những truyện đã học, các em cần kể chuyện ngoài SGK - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể	- Học sinh đọc đề. - Học sinh đọc gợi ý SGK. - Học sinh tiếp nối nêu tên câu chuyện sẽ kể.

3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút)

* *Mục tiêu:* Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên

* *Cách tiến hành:*

- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét.	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
---	--

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3')

- Chúng ta cần phải làm gì để góp phần bảo vệ thiên nhiên?	- HS nêu
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kĩ thuật
Tiết 8: NẤU CƠM (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết cách nấu cơm.
- Vận dụng kiến thức đã học để nấu cơm giúp gia đình.
- Sử dụng bếp đun đúng cách để tiết kiệm năng lượng.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS nêu cách nấu cơm bằng các loại nồi khác nhau. - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- Nhắc lại kiến thức đã học - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết cách nấu cơm - Biết liên hệ với việc nấu cơm ở gia đình. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 3: Tìm hiểu các cách nấu cơm bằng nồi cơm điện - Yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước Hoạt động 4: Nhận xét đánh giá - Sử dụng câu hỏi cuối bài để đánh giá	- HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước - HS đọc nội dung mục 2 và quan sát hình 4 SGK - Làm việc nhóm đôi tìm hiểu về cách nấu cơm bằng nồi cơm điện - So sánh với nấu cơm bằng bếp đun - Vài HS lên thao tác - HS tự đánh giá kết quả học tập dựa vào câu hỏi cuối bài - Báo cáo kết quả học tập
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	

- Về nhà tập nấu cơm bằng các loại nồi khác nhau.	- HS nghe và thực hiện
---	------------------------

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Cùng cố về số thập phân bằng nhau, so sánh số thập phân
- Biết tìm các số thập phân bằng nhau, so sánh các số thập phân.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** - Bảng phụ, phấn màu, vở Luyện tập Toán..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2,3,5 trang 40 – Luyện tập Toán) * Bài 1: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 3 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Vì sao con lại viết $72,30 = 72,3...$ * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét * Bài 3: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - Hãy giải thích cách so sánh - GV nhận xét. * Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì?	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - 1 vài HS trả lời - HS đọc đề bài - HS trả lời

- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. bài - 1 em lên bảng làm - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút) - Hỏi học sinh: + Hãy nêu cách so sánh số thập phân. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - Lắng nghe, ghi nhớ - HS nêu - HS nghe và thực hiện
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ năm ngày 26 tháng 10 năm 2023

Toán

Tiết 39: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Tính bằng cách thuận tiện nhất
- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

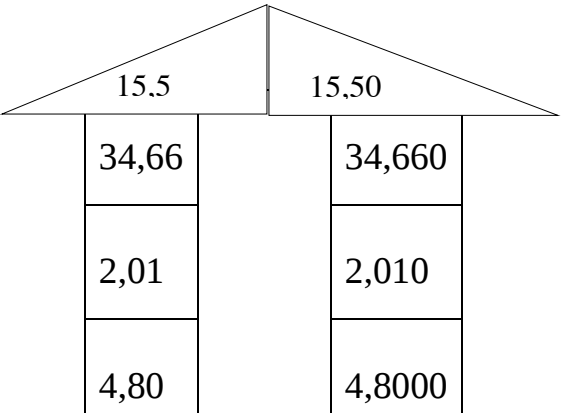
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Trò chơi: Xây nhà:  -Giáo viên tổ chức cho 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 5 em. Khi nghe giáo viên hô 1, 2, 3 bắt đầu mỗi đội sẽ phải tìm thật nhanh các số thập phân trên các mảnh ghép để ghép vào ngôi nhà cho gắn vào đúng vị trí cho phù hợp. Khi dán xong sẽ được hình ngôi nhà mái đỏ, tường vàng, cửa xanh. Gắn đúng 1 hình sẽ được 10 điểm. Đội nào làm đúng và hoàn thành trước sẽ là đội thắng cuộc. - Lưu ý: Các vị trí tương ứng sẽ là	- HS chơi trò chơi - HS nghe

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

các STP bằng nhau - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng.	- HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (27 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết đọc, viết, sắp xếp thứ tự các số thập phân. - Tính bằng cách thuận tiện nhất - HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3. - HS (M3,4) làm được bài tập 4. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cặp đôi - Cho HS hoạt động cặp đôi - GV có thể cho HS hỏi thêm về giá trị theo hàng của các chữ số trong từng số thập phân. Ví dụ : Hãy nêu giá trị của chữ số 1 trong các số 28,416 và 0,187. - GV nhận xét HS. Bài 2: HĐ cá nhân - Yêu cầu HS cả lớp viết vào vở. - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó chữa bài và cho điểm HS. Bài 3: HĐ cá nhân - GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân Bài 4(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS làm bài - GV quan sát, uốn nắn HS	- Một HS chỉ số TP, 1 HS đọc - HS nêu : Giá trị của chữ số 1 trong số 28,416 là 1 phần trăm. - Giá trị của chữ số 1 trong số 0,0187 là 1 phần mười. - HS viết số, báo cáo kết quả a. 5,7 ; b. 32,85 ; c. 0,01 ; d. 0,304 - HS làm bài, báo cáo kết quả - Các số : 42,538 ; 41,835 ; 42, 358 ; 41,538 - Xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là : 41,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 42,538. - HS làm bài vào vở
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Số nào lớn nhất trong các số sau: 74,26 ; 74,62 ; 47,99 ; 100,01	- HS nêu.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tập đọc
Tiết 16: TRƯỚC CÔNG TRỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Hiểu nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc. (Trả lời các câu hỏi 1, 3, 4; thuộc lòng những câu thơ em thích)

- Biết đọc diễn cảm bài thơ thể hiện cảm xúc tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giáo dục lòng tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.

- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu tên các dân tộc của Việt Nam. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài, ghi bảng	- HS chơi trò chơi - Cách chơi: Trưởng trò nêu tên 1 dân tộc của Việt Nam sau đó truyền điện cho bạn khác kể tên các dân tộc của Việt Nam, bạn nào không trả lời được thì thua cuộc. - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (10 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ, đọc đúng câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ khó trong bài. <i>* Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc bài - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm - Luyện đọc theo cặp - Đọc toàn bài - GV đọc mẫu	- Một HS (M3,4) đọc toàn bài, chia đoạn - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm đọc: + Học sinh đọc nối tiếp nhau từng đoạn lần 1+ luyện đọc từ khó, câu khó. - Học sinh đọc nối tiếp nhau từng đoạn lần 2 + giải nghĩa từ chú giải - Học sinh luyện đọc theo cặp. - Một học sinh đọc lại toàn bài. - HS nghe
2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc. (Trả lời các câu hỏi 1, 3, 4)	

- HS (M3,4) trả lời được câu hỏi 2 * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi 1. Vì sao địa điểm tả trong bài thơ được gọi là “cổng trời” 2. Tả lại vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ? 3. Trong những cảnh vật được miêu tả, em thích nhất cảnh vật nào? Vì sao? 4. Điều gì đã khiến cảnh rừng sương gió ấy như ấm lên! - Giáo viên nhận xét bổ xung. - Nội dung bài: Giáo viên ghi bảng.	- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi, chia sẻ trước lớp - Học sinh đọc khổ thơ 1 và trả lời. + Gọi nơi đây là cổng trời vì đó là đèo cao giữa 2 vách đá, từ đỉnh đèo có thể nhìn thấy cả 1 khoảng trời lộ ra, có mây bay, có gió thoảng, tạo cảm giác như đó là cổng để đi lên trời. - Học sinh đọc khổ thơ 2 đến 3 và trả lời: Màn sương khói huyền ảo, những cánh rừng ngút ngàn cây trái, muôn sắc màu cỏ hoa, khoảng trời bằng phẳng mây trôi ... - Thích hình ảnh đứng ở cổng trời, ngửa đầu nhìn lên thấy khoảng không có gió thoảng mây trôi, tưởng như đó là cổng đi lên trời, đi vào thế giới chuyện cổ tích. - Cảnh rừng sương gió như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy tất bật, rộn ràng với công việc: gặt lúa, - HS nghe - Học sinh đọc lại :Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc.
3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm:(8 phút) * <i>Mục tiêu:-</i> Biết đọc diễn cảm bài thơ thể hiện cảm xúc tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta. Thuộc lòng những câu thơ em thích. - HS (M3,4) có thể học thuộc cả bài thơ * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Hướng dẫn cả lớp luyện đọc và thi đọc diễn cảm 1 đoạn thơ. - Chọn đoạn 2 làm đoạn đọc diễn cảm và đoạn học thuộc lòng. - Giáo viên theo dõi, nhận xét. - Luyện đọc thuộc lòng - HS (M3,4) học thuộc lòng bài thơ - Giáo viên nhận xét	- Học sinh luyện đọc theo cặp. - Học sinh thi luyện đọc diễn cảm trước lớp. - Học sinh nhắm thuộc lòng đoạn 2 tại lớp.
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Em có cảm nhận gì trước vẻ đẹp hùng vĩ của đất nước ta ?	- HS nêu

Tập làm văn
Tiết 15: LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Lập được dàn ý bài văn tả một cảnh đẹp ở địa phương đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.

- Dựa vào dàn ý (thân bài), viết được một đoạn văn miêu tả cảnh đẹp ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ

3. Phẩm chất: Yêu mến cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.

- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn miêu tả cảnh sông nước. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Lập được dàn ý bài văn tả một cảnh đẹp ở địa phương đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Dựa vào dàn ý (thân bài), viết được một đoạn văn miêu tả cảnh đẹp ở địa phương. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - GV cho HS XD dàn ý chung cho bài văn bằng hệ thống câu hỏi. - Phần mở bài em cần nêu được những gì? - Hãy nêu nội dung chính của thân bài?	- HS đọc yêu cầu - HS làm bài + Mở bài: Giới thiệu cảnh đẹp định tả, địa điểm của cảnh đẹp đó, giới thiệu được thời gian địa điểm mà mình quan sát. + Thân bài: tả những đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp, những chi tiết làm cho cảnh đẹp trở lên gần gũi, hấp dẫn người đọc Các chi tiết miêu tả được sắp xếp theo trình tự: từ xa đến gần, từ cao xuống thấp.

- Phần kết bài cần nêu những gì? - Yêu cầu HS tự lập dàn bài. 2 HS làm vào bảng nhóm. - HS gắn bài lên bảng và trình bày - 3 HS đọc bài của mình GV nhận xét bổ sung Bài 2: HĐ cá nhân - HS đọc yêu cầu - HS tự làm bài - HS đọc bài văn của mình - GV nhận xét	+ Kết bài: nêu cảm xúc của mình với cảnh đẹp quê hương. - Cả lớp làm vào vở, 2 HS viết vào bảng nhóm - HS trình bày - 3 HS đọc bài của mình - HS đọc yêu cầu - HS làm vào vở - HS đọc bài của mình
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
- Về viết đoạn thân bài trong bài văn miêu tả cảnh đẹp địa phương.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tiết 16: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại.
- Nhận biết được nguy cơ khi bản thân có thể bị xâm hại.
- Biết cách phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.
- Luôn ý thức phòng tránh bị xâm hại và nhắc nhở mọi người cùng đề cao cảnh giác.

GDKNS: Kỹ năng phân tích phán đoán các tình huống có nguy cơ bị xâm hại. KN ứng phó, ứng xử phù hợp khi rơi vào tình huống có nguy cơ bị xâm hại. KN tìm kiếm sự giúp đỡ khi bị xâm hại.

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức thi kể: + Những trường hợp tiếp xúc nào không gây lây nhiễm HIV/AIDS. + Chúng ta có thái độ như thế nào đối với người nhiễm HIV/AIDS? - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS nêu: + Bơi ở bể bơi công cộng + Ôm, hôn má + Bắt tay. + Muối ớt + Ngồi học cùng bàn + Uống nước chung cốc -Không nên xa lánh và phân biệt đối xử với họ - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Khi nào chúng ta có thể bị xâm hại?</i> - Yêu cầu HS đọc lời thoại của các nhân vật + Các bạn trong các tình huống trên có thể gặp phải nguy hiểm gì?	- 3 HS tiếp nối nhau đọc và nêu ý kiến trước lớp. + Tranh 1: Đi đường vắng 2 bạn có thể gặp kẻ xấu cướp đồ, dụ dỗ dùng chất gây nghiện. + Tranh 2: Đi một mình vào buổi tối

- GV ghi nhanh ý kiến của học sinh - GV nêu: Nếu trẻ bị xâm hại về thể chất, tình dục... chúng ta phải làm gì để đề phòng. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 - GV nhận xét bổ sung Hoạt động 2: Ứng phó với nguy cơ bị xâm hại - Yêu cầu học sinh hoạt động theo tổ - HS đưa tình huống - GV giúp đỡ, hướng dẫn từng nhóm Ví dụ: Tình huống 1: Nam đến nhà Bắc chơi gần 9 giờ tối. Nam đứng dậy đi về thì Bắc cứ cố giữ ở lại xem đĩa phim hoạt hình mới được bố mẹ mua cho hôm qua. Nếu là bạn Nam em sẽ làm gì khi đó? - Gọi các đội lên đóng kịch - Nhận xét nhóm trình bày có hiệu quả Hoạt động 3: Những việc cần làm khi bị xâm hại - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi + Khi có nguy cơ bị xâm hại chúng ta cần phải làm gì? + Khi bị xâm hại chúng ta sẽ phải làm gì? + Theo em có thể tâm sự với ai?	đêm đường vắng có thể bị kẻ xấu hãm hại, gặp nguy hiểm không có người giúp đỡ. + Tranh 3: Bạn gái có thể bị bắt cóc bị hãm hại nếu lên xe đi cùng người lạ. - HS hoạt động nhóm ghi vào phiếu học tập. Các nhóm trình bày ý kiến - HS thảo luận theo tổ - Học sinh làm kịch bản Nam: Thôi, muộn rồi tớ về đây. Bắc: Còn sớm... ở lại xem một đĩa anh em siêu nhân đi. Nam: Mẹ tớ dặn phải về sớm, không nên đi một mình vào buổi tối. Bắc: Cậu là con trai sợ gì chứ? Nam: Trai hay gái thì cũng không nên đi về quá muộn. Nhỡ gặp kẻ xấu thì có nguy cơ bị xâm hại. Bắc: Thế cậu về đi nhé... - 2 học sinh trao đổi + Đứng dậy ngay + Bỏ đi chỗ khác + Nhìn thẳng vào mặt người đó + Chạy đến chỗ có người + Phải nói ngay với người lớn. + Bố mẹ, ông bà, anh chị, cô giáo.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (2 phút)	
+ Để phòng tránh bị xâm hại chúng ta phải làm gì?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Địa lí
Tiết 8: DÂN SỐ NƯỚC TA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam
- Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh.
- Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân số và sự gia tăng dân số.
- HSHTT :Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng dân số ở địa phương.
- Tuyên truyền về dân số, sự gia tăng dân số và hậu quả tăng dân số.

2. Năng lực chung: Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS hát bài "Quê hương tươi đẹp" - Cho HS tổ chức mời 2 bạn lên bảng, yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung bài cũ. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS hát - 2 HS lần lượt lên bảng trả lời các câu hỏi sau: + Chỉ và nêu vị trí, giới hạn của nước ta trên bản đồ. + Nêu vai trò của đất, rừng đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta. - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> - Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam - Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh. - Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân số và sự gia tăng dân số . - HS(M3,4): Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng DS ở địa phương . * <i>Cách tiến hành:</i>	
* <i>Hoạt động 1: Dân số, so sánh dân số Việt Nam với dân số các nước Đông Nam Á</i>	
- GV treo bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á như SGK lên bảng, yêu cầu HS đọc bảng số liệu.	- HS đọc bảng số liệu.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xử lý các số liệu và trả lời các câu hỏi sau + Năm 2004, dân số nước ta là bao nhiêu người? + Nước ta có dân số đứng hàng thứ mấy trong các nước Đông Nam Á? - Từ kết quả nhận xét trên, em rút ra đặc điểm gì về dân số Việt Nam? (Việt Nam là nước đông dân hay ít dân?) - GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, bổ sung Hoạt động 2: Gia tăng dân số ở Việt Nam - GV treo Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm như SGK lên bảng và yêu cầu HS đọc. - GV hỏi để hướng dẫn HS cách làm việc với biểu đồ: + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng bao nhiêu người? + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người? + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu lần? + Em rút ra điều gì về tốc độ gia tăng dân số của nước ta? - GV gọi HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. Hoạt động 3: Hậu quả của dân số tăng nhanh - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập có nội dung về hậu quả của sự gia tăng dân số. - GV theo dõi các nhóm làm việc, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp.	- HS làm việc cá nhân và ghi câu trả lời ra phiếu học tập của mình. + Năm 2004, dân số nước ta là 82,0 triệu người. + HS trả lời + Nước ta có dân số đông. - 1 HS lên bảng trình bày ý kiến về dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS đọc biểu đồ (tự đọc thầm). - HS làm việc cá nhân + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng khoảng 11,7 triệu người. + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng khoảng 11,9 triệu người + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng lên 1,5 lần. + Dân số nước ta tăng nhanh. - 1 HS trình bày nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu cần). - Mỗi nhóm có 6 - 8 HS cùng làm việc để hoàn thành phiếu. - HS nêu vấn đề khó khăn (nếu có) và nhờ GV hướng dẫn. - Lần lượt từng nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình, cả lớp cùng theo dõi, nhận xét.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Em hãy nêu ví dụ cụ thể về hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em ?	- HS nêu

Hướng dẫn học
CÙNG CỐ KIẾN THỨC VỀ SO SÁNH STP BẰNG NHAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Cùng cố về số thập phân bằng nhau, so sánh số thập phân
- Có kĩ năng đọc viết, số thập phân. Hoàn thành bài tập cô giao.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** - Bảng phụ, phấn màu, vở Luyện tập Toán..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2,3, 4, 5 trang 41,42 – Luyện tập Toán) * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách đọc số thập phân. * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, - 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách viết số thập phân. * <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, - 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. YC học sinh làm đúng nêu cách làm.	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS nêu cách làm.

* Bài 4,5: - Gọi HS đọc đề bài - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút) - Hỏi học sinh: + Hãy nêu cách đọc, viết số thập phân? + Hãy nêu cách so sánh số thập phân. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét
--	---

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 27 tháng 10 năm 2023

Toán

Tiết 40: VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân (trường hợp đơn giản).
- Viết được số đo độ dài dưới dạng số thập phân
- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3.

2. Năng lực chung:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi"Tìm nhanh,tìm đúng". - Cách chơi: Trưởng trò đưa nhanh các số TP có chữ số 5 ở các hàng sau đó gọi HS nêu nhanh giá trị của chữ số đó. -VD: 56,679; 23,45 ; 134,567... - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2.Hoạt động ôn tập bảng đơn vị đo độ dài:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết được mối quan hệ của bảng đơn vị đo độ dài <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Bảng đơn vị đo độ dài:</i> - Giáo viên treo bảng đơn vị đo độ dài. - Yêu cầu học sinh nêu tên đơn vị đo độ dài từ bé đến lớn. - Gọi 1 học sinh viết tên các đơn vị đo độ dài vào bảng (kẻ sẵn) <i>* Quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài liên kế.</i>	- 1 học sinh nêu, lớp theo dõi nhận xét - 1 học sinh lên bảng viết.

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

- Em hãy nêu mối quan hệ giữa dam và m? m và dam? (học sinh nêu GV ghi bảng)

- Hỏi tương tự để hoàn chỉnh bảng đơn vị đo độ dài (như phần chuẩn bị).

- Hãy nêu mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo độ dài liền kề nhau?

* *Quan hệ giữa các đơn vị đo thông dụng*

- Yêu cầu học sinh nêu mối quan hệ giữa m với km, cm, mm?

* *Hướng dẫn viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân*

* VD1:

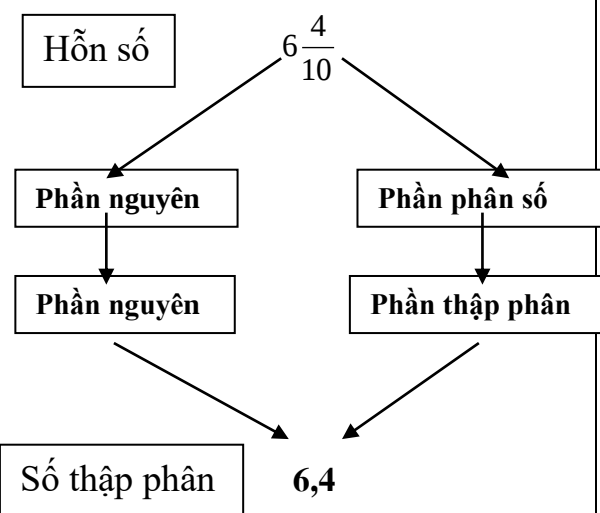
- GV nêu bài toán: Viết STP thích hợp vào chỗ chấm:

$$6\text{m}4\text{dm} = \dots \text{m}$$

- Yêu cầu học sinh nêu kết quả và cách tìm STP để điền

- GV nhận xét và nhắc lại cách làm.

- GV có thể hướng dẫn bằng sơ đồ sau:



* VD 2: Làm tương tự như VD 1

$$1\text{m} = \frac{1}{10}\text{dam} = 10\text{dm}$$

- Hai đơn vị đo độ dài liền kề nhau gấp hoặc kém nhau 10 lần.

- Học sinh lần lượt nêu:

$$1000\text{m} = 1\text{km} \quad 1\text{m} = \frac{1}{1000}\text{km}$$

$$1\text{m} = 100\text{cm} \quad 1\text{cm} = \frac{1}{100}\text{m}$$

$$1\text{m} = 1000\text{mm} \quad ; \quad 1\text{mm} = \frac{1}{1000}\text{m}$$

- Học sinh thảo luận và nêu cách làm

- Lớp theo dõi và nhận xét

+ B1: $6\text{m}4\text{dm} = 6\frac{4}{10}\text{m}$ (chuyển $6\text{m}4\text{dm}$ thành hỗn số có đơn vị là m)

+ B2: Chuyển $6\frac{4}{10}\text{m} \Rightarrow$ STP có đơn vị là m:
 $6\text{m}4\text{dm} = 6\frac{4}{10}\text{m} = 6,4\text{m}$

- HS theo dõi.

- HS làm $3\text{m}5\text{cm} = 3\frac{5}{100}\text{m} = 3,05\text{m}$.

3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút)

* *Mục tiêu:* Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân (trường hợp đơn giản).

HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3.

<i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu học sinh làm bài. - GV chấm một số bài - GV nhận xét Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS nêu cách viết $3\text{m } 4\text{dm} = ?\text{m}$ - GV nêu và hướng dẫn lại. - Yêu cầu HS làm bài - GV chấm bài nhận xét. Bài 3: HĐ cá nhân - Gọi HS nêu đề bài. - Yêu cầu HS tự làm và chia sẻ - Nhận xét chữa bài.	- HS đọc đề - HS cả lớp làm vở $8\text{m } 6\text{dm} = 8\frac{6}{10}\text{m} = 8,6\text{m}$ $2\text{dm } 2\text{cm} = 2\frac{2}{100}\text{dm} = 2,02\text{dm}$ $3\text{m } 7\text{cm} = 3\frac{7}{100}\text{m} = 3,07\text{m}$ $23\text{m } 13\text{cm} = 23\frac{13}{100}\text{m} = 23,13\text{m}$ - $3\text{m } 4\text{dm} = 3\frac{4}{100}\text{m} = 3,4\text{m}$ - HS nêu - HS cả lớp làm vở, báo cáo kết quả - Đáp án: $2\text{m } 5\text{cm} = 2,05\text{m}$ $21\text{m } 36\text{cm} = 21,36\text{m}$ $8\text{dm } 7\text{cm} = 8,7\text{dm}$ $4\text{dm } 32\text{mm} = 4,32\text{dm}$ $73\text{mm} = 0,73\text{dm}$ - Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả a. $5\text{km } 203\text{m} = 5,203\text{km}$ b. $5\text{km } 75\text{m} = 5,075\text{km}$ c. $302\text{m} = 0,203\text{km}$
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết STP thích hợp vào chỗ chấm: $72\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\text{m}$ $10\text{m } 2\text{dm} = \dots\dots\text{m}$ $50\text{km } 200\text{m} = \dots\dots\text{km}$ $15\text{m } 50\text{cm} = \dots\dots\text{m}$	- HS làm bài $72\text{m } 5\text{cm} = 72,05\text{m}$ $10\text{m } 2\text{dm} = 10,2\text{m}$ $50\text{km } 200\text{m} = 50,2\text{km}$ $15\text{m } 50\text{cm} = 15,5\text{m}$

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Luyện từ và câu

Tiết 16: LUYỆN TẬP VỀ TỪ NHIỀU NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Phân biệt được những từ đồng âm ,từ nhiều nghĩa trong số các từ nêu ở BT1 ..
- Hiểu được nghĩa gốc, và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa(BT2)
- Biết đặt câu phân biệt các nghĩa của một từ nhiều nghĩa (BT3)
- HSHTT biết đặt câu phân biệt các nghĩa của mỗi tính từ nêu ở BT3.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ

3. Phẩm chất: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức thi lấy ví dụ về từ đồng âm và đặt câu. - GV nhận xét, hỏi thêm: + Thế nào là từ đồng âm? + Thế nào là từ nhiều nghĩa? - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi lấy ví dụ - HS trả lời - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành: (30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> : - Phân biệt được những từ đồng âm ,từ nhiều nghĩa trong số các từ nêu ở BT1 .. - Hiểu được nghĩa gốc, và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa(BT2) - Biết đặt câu phân biệt các nghĩa của một từ nhiều nghĩa (BT3) - HS(M3,4) biết đặt câu phân biệt các nghĩa của mỗi tính từ nêu ở BT3. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ nhóm - HS đọc yêu cầu - HS làm bài theo nhóm - Trình bày kết quả a. Chín - Lúa ngoài đồng đã chín vàng (1) - Tổ em có chín học sinh (1) - Nghĩ cho chín chắn rồi hãy nói (3) b. Đường - Bát chè này nhiều đường nên rất ngọt	- HS đọc - HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện các nhóm trả lời a) Chín 1: hoa quả hạt phát triển đến mức thu hoạch được - Chín 3: suy nghĩ kĩ càng - Chín 2: số 9 - Chín 1 và chín 3 là từ nhiều nghĩa, đồng âm với chín 2 b) Đường 1: chất kết tinh vị ngọt

(1) - Các chú công nhân đang chữa đường dây điện thoại (2) - Ngoài đường mọi người đã đi lại nhộn nhịp (3) <i>c. Vật</i> - Vật nung (1) - Vật nhọn đầu gậy tre (2) - Vật áo choàng (3) - GV nhận xét kết luận bài đúng Bài 2: HĐ nhóm - HS nêu yêu cầu - HS trao đổi thảo luận tìm ra nghĩa của từ xuân và trình bày kết quả - GV nhận xét KL Bài 3: HĐ cá nhân - HS đọc yêu cầu - HS tự làm bài - GV nhận xét chữa bài	- Đường 2: vật nối liền 2 đầu - Đường 3: chỉ lối đi lại. - Từ đường 2 và đường 3 là từ nhiều nghĩa đồng âm với từ đường 1 c) vật 1: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi núi - vật 2: xiên đũa - vật 3: thân áo - Vật 1 và 3 là từ nhiều nghĩa đồng âm với từ vật 2 - HS đọc yêu cầu - Nhóm trưởng điều khiển nhóm trao đổi thảo luận, trình bày kết quả a) Mùa xuân.....: nghĩa gốc: chỉ một mùa của năm. Càng xuân: nghĩa chuyển chỉ sự tươi đẹp b) Bấy mười xuân: nghĩa chuyển: chỉ tuổi, năm - HS nêu yêu cầu - HS làm vào vở - HS chia sẻ kết quả + Bạn Nga cao nhất lớp tôi. Mẹ tôi thường mua hàng VN chất lượng cao. + Bố tôi nặng nhất nhà. Bà nội ốm rất nặng.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ cao với nghĩa sau: a) Có chiều cao lớn hơn mức bình thường b) Có số lượng hoặc chất lượng hơn hẳn mức bình thường	- HS đặt câu a) Cây cột cờ cao chót vót. b) Bột giặt ô-mô là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....
.....

Tập làm văn
Tiết 16: LUYỆN TẬP TẢ CẢNH
(Dựng đoạn mở bài, kết bài)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và nêu được cách viết hai kiểu mở bài: mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp (BT1)
- Phân biệt hai cách kết bài : kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng (BT2),
- Viết được đoạn mở bài kiểu gián tiếp, đoạn kết bài kiểu bài mở rộng cho bài văn cảnh thiên nhiên ở địa phương (BT3).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Yêu thích viết văn tả cảnh, yêu thích cảnh đẹp làng quê.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với những câu hỏi sau: + Thế nào là mở bài trực tiếp trong văn tả cảnh? + Thế nào là mở bài gián tiếp? + Thế nào là kết bài không mở rộng? + Thế nào là kết bài mở rộng? - GV nhận xét - GV: Muốn có một bài văn tả cảnh hay hấp dẫn người đọc các em cần đặc biệt quan tâm đến phần mở bài và kết bài. Phần mở bài gây được bất ngờ tạo sự chú ý của người đọc, phần kết bài sâu sắc, giàu tình cảm sẽ làm cho bài văn tả cảnh thật ấn tượng sinh động. Hôm nay các em cùng thực hành viết phần mở bài và kết bài trong văn tả cảnh - GV viết bảng	- HS tổ chức chơi trò chơi + Trong bài văn tả cảnh mở bài trực tiếp là giới thiệu ngay cảnh định tả + Mở bài gián tiếp là nói chuyện khác rồi dẫn vào đối tượng định tả + Cho biết kết thúc của bài tả cảnh + Kết bài mở rộng là nói lên tình cảm của mình và có lời bình luận thêm về cảnh vật định tả. - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút)	
* Mục tiêu: Nhận biết và nêu được cách viết hai kiểu mở bài: mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp (BT1) - Phân biệt hai cách kết bài : kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng (BT2)	

- Viết được đoạn mở bài kiểu gián tiếp, đoạn kết bài kiểu bài mở rộng cho bài văn cảnh thiên nhiên ở địa phương (BT3). <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cặp đôi - Yêu cầu HS đọc nội dung , yêu cầu bài - HS thảo luận theo nhóm 2 - HS trình bày - Đoạn nào mở bài trực tiếp? - Đoạn nào mở bài gián tiếp? - Em thấy kiểu mở bài nào tự nhiên hấp dẫn hơn? Bài 2: HĐ nhóm - Gọi HS nêu yêu cầu nội dung bài - HS HĐ nhóm 4. - Gọi nhóm có bài viết bảng nhóm lên gắn bảng - Yêu cầu lớp nhận xét bổ xung - GV nhận xét KL: + Giống nhau: đều nói lên tình cảm yêu quý gắn bó thân thiết của tác giả đối với con đường + Khác nhau: Đoạn kết bài theo kiểu tự nhiên: Khẳng định con đường là người bạn quý gắn bó với kỉ niệm thời thơ ấu của tác giả. Đoạn kết bài theo kiểu mở rộng: nói về tình cảm yêu quý - Em thấy kiểu kết bài nào hấp dẫn người đọc hơn. Bài 3: HĐ cá nhân - HS nêu yêu cầu bài - HS tự làm bài - Gọi HS đọc đoạn mở bài của mình - GV nhận xét - Phân kết bài thực hiện tương tự	- HS đọc - HS thảo luận cặp đôi - HS đọc đoạn văn cho nhau nghe + Đoạn a mở bài theo kiểu trực tiếp vì giới thiệu ngay con đường định tả là con đường mang tên Nguyễn Trường Tộ + Đoạn b mở bài theo kiểu gián tiếp vì nói đến những kỉ niệm tuổi thơ với những cảnh vật quê hương ... rồi mới giới thiệu con đường định tả. + Mở bài theo kiểu gián tiếp sinh động hấp dẫn hơn. - HS đọc - HS làm bài theo nhóm, 1 nhóm làm vào bảng nhóm + Kiểu kết bài mở rộng hay hơn, hấp dẫn hơn. - HS đọc - HS làm vào vở - HS đọc bài của mình
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
- Về nhà viết lại đoạn mở bài và kết bài cho hay hơn.	- HS nghe và thực hiện

Hướng dẫn học
CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ VĂN TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố về: từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, Luyện tập về tả cảnh
- HS hoàn thành bài các môn học trong ngày.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Yêu thích sự trong sáng, phong phú của Tiếng Việt

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính.
- **Học sinh:** -Bảng phụ, phấn màu, Vở Luyện tập Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2. Bài tập tăng cường: Bài tập: Luyện tập Tiếng Việt * <u>Bài 5:</u> - Gọi HS xác định y/c của bài tập - Y/ c HS đọc kĩ từng dòng suy nghĩ và tìm từ thích hợp với yêu cầu. - Gọi HS trình bày - Gọi HS nhận xét. Nêu nghĩa của từng từ mới. - GV chốt lời giải đúng. * <u>Bài 6:</u> - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Thế nào là từ nhiều nghĩa? - Y/c HS tự làm bài , 2 em lên bảng làm - Gọi HS NX bài của bạn. - GV nhận xét khen. * <u>Bài 7:</u> - Gọi HS đọc bài tập - Y/ c HS suy nghĩ đặt câu - Y/c các nhóm báo cáo kết quả. - GV kết luận lời giải đúng đáp án c * <u>Bài 1(49):</u> - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS nắm rõ yêu cầu của đề bài.	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 HS đọc y/c bài - HS thảo luận nhóm đôi cùng làm bài vào vở, - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ xung. - Vài HS nêu - 1 HS nêu - HS thực hiện theo y/c - HS nhận xét. - HS lắng nghe - 1 HS đọc y/c bài - 2 HS trả lời - Các nhóm nêu kết quả thảo luận - Hs đọc bài - HS tìm hiểu đề bài

- HS tự làm dựa vào gợi ý - Gọi HS đọc bài làm. - GV nhận xét và chỉnh sửa câu từ cho HS Bài 2(50) - Thế nào là mở bài gián tiếp? Kết bài mở rộng? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Gọi HS trình bày. - GV nhận xét đánh giá. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút) - Hỏi học sinh: + Hãy nêu thế nào là từ đồng âm, từ nhiều nghĩa? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS làm bài và đọc bài - 1 Vài HS đọc bài - HS nhận xét - 2 HS trả lời - 2 HS trả lời - HS làm bài theo yêu cầu - Vài HS trình bày.
---	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ SINH HOẠT LỚP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.
- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.
- Sinh hoạt theo chủ điểm.

2. Năng lực chung: Hợp tác nhóm, giao tiếp.

3. Phẩm chất: Yêu bạn bè, thầy cô giáo, yêu trường lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn kế hoạch tuần tới.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: - Gọi lớp trưởng lên điều hành: 2. Nội dung sinh hoạt: a. Giới thiệu: - GV hỏi đề học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu. 1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua. 2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau. 3. Sinh hoạt theo chủ điểm b. Tiến hành sinh hoạt: *Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần Gv gọi lớp trưởng lên điều hành. - Nề nếp: - Học tập: - Vệ sinh: - Hoạt động khác GV: nhấn mạnh và bổ sung: - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vệ sinh. - Sách vở, đồ dùng học tập - Kỹ năng chào hỏi ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì? ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì? *H. động 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo	 - Lớp trưởng lên điều hành: - Cả lớp cùng thực hiện. - HS lắng nghe và trả lời. - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm: + Tổ 1 + Tổ 2 + Tổ 3 - HS lắng nghe. - HS trả lời - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

